



yǒu qián
有钱

adjective · rich; wealthy

Example Sentences

Yǒu qián rén bìng bù yī dìng kuài lè
有钱人并不一定快乐。

Rich people are not necessarily happy.

Tā kào zì jǐ de nǔ lì biàn de yǒu qián le
他靠自己的努力变得有钱了。

He became wealthy through his own efforts.

Trace each character, then write the word on your own.

有	有	有	有	有	有	有	有	有		
钱	钱	钱	钱	钱	钱	钱	钱	钱	钱	钱
钱	钱									